

Số: **324**/BC-UBND

Phong Thổ, ngày **13** tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương Quý II năm 2022

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện khoá XXI, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 17/12/2021 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;

Trên cơ sở kết quả thực hiện thu, chi NSDP 6 tháng đầu năm năm 2022. Ủy ban nhân dân huyện báo cáo công khai và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương Quý II năm 2022 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu:

Tổng thu ngân sách thực hiện 6 tháng đầu năm 479.599 triệu đồng, đạt 71,6% so với dự toán tỉnh giao, đạt 62,8 % so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 30,6% so với cùng kỳ năm 2021. (Trong đó: ngân sách huyện hưởng là 479.091 triệu đồng).

1. Thu NSNN trên địa bàn

Tổng số thu 6 tháng đầu năm thực hiện 26.618 triệu đồng, đạt 44,1% so với dự toán tỉnh giao, đạt 43% so với dự toán HĐND huyện giao, bằng 92,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó:

Thu ngân sách huyện hưởng: 26.110 triệu đồng, đạt 47,2% so với dự toán tỉnh giao, đạt 46,2% so với dự toán HĐND huyện giao, bằng 98,8% so với cùng

kỳ năm 2021. (Số thu ngân sách huyện hưởng sau khi loại trừ thu tiền sử dụng đất là 25.191 triệu đồng, đạt 62,8% so với dự toán tỉnh giao và đạt 62,2% so với dự toán HĐND huyện giao).

Bao gồm các sắc thuế sau:

- Thuế ngoài quốc doanh: 19.177 triệu đồng, đạt 61,7% so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 24,9% so với cùng kỳ năm 2021.

- Lệ phí trước bạ: 1.718 triệu đồng, đạt 49,1% so với dự toán HĐND huyện giao, bằng 69,2% so với cùng kỳ năm 2021.

- Thuế thu nhập cá nhân: 1.400 triệu đồng, đạt 116,7% so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 58,9% so với cùng kỳ năm 2021.

- Phí, lệ phí: 887 triệu đồng, đạt 63,2% so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2021.

- Thu tiền sử dụng đất: 1.313 triệu đồng, đạt 6,5% so với dự toán HĐND huyện giao, bằng 18% so với cùng kỳ năm 2021. (Trong đó: Ngân sách tỉnh hưởng 263 triệu đồng, ngân sách huyện hưởng 919 triệu đồng).

- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: 753 triệu đồng, đạt 50,2% so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2021.

- Thu khác ngân sách: 1.370 triệu đồng, đạt 44,4% so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2021.

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 381.130 triệu đồng, đạt 54,3% so với dự toán tỉnh và HĐND huyện giao.

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 326.600 triệu đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu: 54.530 triệu đồng.

3. Thu chuyển nguồn từ năm 2021 chuyển sang là: 71.851 triệu đồng.

II. VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI.

Tổng chi ngân sách ước thực hiện 303.696 triệu đồng, đạt 40% so với dự toán HĐND huyện giao. Cụ thể như sau:

1. Chi trong cân đối ngân sách thực hiện 256.380 triệu đồng, đạt 38,5% so với dự toán HĐND huyện giao. Trong đó:

1.1. Chi đầu tư phát triển: 11.878 triệu đồng đạt 27,6% so với dự toán HĐND huyện giao.

1.2. Chi thường xuyên: 244.502 triệu đồng đạt 39,3% so với dự toán HĐND huyện giao. Trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: 3.484 triệu đồng, đạt 4,7% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp giáo dục & đào tạo: 166.613 triệu đồng, đạt 43,7% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp văn hóa: 1.822 triệu đồng, đạt 54,2% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp thể thao: 797 triệu đồng, đạt 84,2% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp Truyền thanh - Truyền hình: 1.312 triệu đồng, đạt 38,1% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi đảm bảo xã hội: 8.272 triệu đồng, đạt 52,9% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi quản lý hành chính: 47.255 triệu đồng, đạt 42,2% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi Quốc phòng - an ninh: 9.503 triệu đồng, đạt 61,6% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi khác ngân sách: 1.400 triệu đồng, đạt 36,5% so với dự toán HĐND huyện giao, bao gồm các khoản chi như: Hỗ trợ hộ nghèo vay vốn, hỗ trợ quỹ cho hội nông dân, hỗ trợ ban chỉ đạo chống thất thu, kinh phí thi đua khen thưởng, hỗ trợ học sinh trường Dân tộc nội trú tổ chức tết dân tộc và chi hoạt động công tác tôn giáo.

1.3. Chi từ nguồn dự phòng ngân sách huyện: 4.044 triệu đồng, đạt 33,1% dự toán HĐND huyện giao.

- Kinh phí thực hiện chi các nhiệm vụ phát sinh: Hỗ trợ hộ nghèo trên địa bàn huyện không có khả năng ăn Tết Nguyên đán năm 2022 số tiền 610,2 triệu đồng; Thực hiện mua sắm vật tư xét nghiệm Tets nhanh SARS-Cov-2 cho công tác phòng, chống dịch Covid -19 (khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên SARS-CoV-2) số tiền: 495 triệu đồng; Hỗ trợ cho tiểu đội dân quân thường trực trong thời gian trực tết nguyên đán số tiền 24 triệu đồng; Hỗ trợ cho quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương số tiền 27 triệu đồng; Kinh phí thực hiện "Hội xuân tiễn bạn tòng quân" và "tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" năm 2022 số tiền 477 triệu đồng; thực hiện mua hóa chất tiêu độc, khử trùng môi trường năm 2022 số tiền 471 triệu đồng; thực hiện tiêm phòng Vắc xin cho gia súc, gia cầm năm 2022 số tiền 1.048,97 triệu đồng; thực hiện mua vật tư xét nghiệm Test nhanh SARS-Cov-2 phục vụ cho công tác phòng chống dịch Covid -19 trên địa bàn huyện Phong Thổ số tiền 275 triệu đồng; Kinh phí

thực hiện tuyển dụng giáo viên đợt I năm 2022 số tiền 298 triệu đồng; thực hiện khắc phục do mưa lũ gây ra tại các trường: PTDTBT tiểu học Hoang Thèn, PTDTBT THCS Hoang Thèn, THCS Sĩ Lữ Lâu huyện Phong Thổ là 285,4 triệu đồng; Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho Trung tâm Chính trị để thực hiện tham gia Hội thi giảng viên lý luận chính trị giỏi tỉnh Lai Châu năm 2022 số tiền 32,6 triệu đồng.

2. Chi bổ sung có ngân sách cấp dưới: 47.316 triệu đồng, đạt 50,8% so với dự toán HĐND huyện giao.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

III. Đánh giá chung tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện quý II năm 2022.

1. Về thu ngân sách:

- Năm 2022 tình hình dịch bệnh Covid-19 trong nước diễn biến phức tạp, tác động đến tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã; sản xuất, tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn, đã ảnh hưởng đến nhiệm vụ thu, chi ngân sách trên địa bàn huyện. Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm đạt 44,1% so với dự toán tỉnh giao, đạt 43% so với dự toán HĐND huyện giao và bằng 92,4% so với cùng kỳ năm 2021. *(Trong đó UBND huyện chỉ đạo tập trung vào triển khai một số nhiệm vụ chủ yếu như triển khai quyết liệt nhiệm vụ thu ngân sách, đơn đốc thu hồi nợ đọng thuế; các sắc thuế cơ bản đạt cao so với dự toán cấp trên giao, trong đó thuế ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn).*

- UBND huyện đã chủ động triển khai quyết liệt nhiều biện pháp quản lý thu, khai thác nguồn thu, chống thất thu, đẩy mạnh thanh kiểm tra, các hoạt động giám sát tích cực hơn của các cấp, các ngành cùng với việc cải cách thủ tục hành chính thuế đã tạo điều kiện khai thác tập trung các nguồn thu trên địa bàn đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời.

- Sự phối hợp giữa các ban ngành với Chi Cục thuế khu vực Phong Thổ - Sơn Hồ và các chủ đầu tư trong công tác đơn đốc thu ngân sách khá chặt chẽ và hiệu quả, công tác kiểm tra, thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành, thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước chặt chẽ đúng quy định.

2. Về chi ngân sách:

- Cơ bản đã đảm bảo đủ nguồn cân đối chi theo dự toán đã được HĐND huyện giao, đáp ứng cơ bản yêu cầu sự nghiệp kinh tế các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi, hoạt động kiến thiết thị chính; đảm bảo chi cho

sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo bao gồm đào tạo nghề cho lao động nông thôn; thực hiện đầy đủ các chính sách mới, đảm bảo chế độ cho cán bộ, giáo viên và học sinh; đảm bảo kinh phí phòng chống dịch Covid -19, phòng chống dịch cho gia súc gia cầm trên địa bàn huyện, thực hiện các đề án, nghị quyết và chính sách an sinh xã hội của cấp có thẩm quyền phê duyệt và kinh phí cho hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Đoàn thể, góp phần giữ vững ổn định chính trị, cùng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

- Trong quản lý điều hành ngân sách, hầu hết các cơ quan, đơn vị đã chủ động tổ chức thực hiện dự toán, đúng nội dung dự toán giao; quản lý chặt chẽ các khoản chi đảm bảo thực hiện đúng chế độ chính sách, đúng dự toán được duyệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các biện pháp chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng; thực hiện triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, chi hoạt động của các cơ quan, đơn vị, nhất là các khoản chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, hội nghị, công tác phí...

Trên đây là Báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương quý II năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện uỷ;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH.

Chữ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vương Thế Mẫn



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 324/BC-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện Phong Thổ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý (06 tháng, năm)	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	758.976	479.091	63	106
I	Thu cân đối NSNN	56.573	26.110	46	102
1	Thu nội địa	56.573	26.110	46	102
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	71.851		62
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	702.403	381.130	54	122
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	758.976	303.696	40	82
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	665.919	256.380	39	78
1	Chi đầu tư phát triển	43.101	11.878	28	47
2	Chi thường xuyên	610.614	240.458	39	80
3	Dự phòng ngân sách	12.204	4.044	33	221
II	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	93.057	47.316	51	108
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	-			

BIỂU BÁO CÁO KINH HIỆP THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 22/BC-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện Phong Thổ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán thu tính giao năm 2022	Dự toán thu huyện giao năm 2022	Thực hiện thu 6 tháng năm 2022	So sánh (%)			Ghi chú
					TH 6 tháng/tính giao	TH 6 tháng /UBND giao	TH 6 tháng 2022/cùng kỳ năm 2021	
A	B	1	2	3	6=3/1	7=3/2	8	11
	TỔNG CỘNG (I + II)	669.746	764.296	479.599	71,6	62,8	110,2	
	Trong đó: Ngân sách địa phương hưởng (I.1 + II+III)	664.646	758.976	479.091	72,1	63,1	110,7	
I	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	60.400	61.893	26.618	44,1	43,0	92,4	
<i>I.1</i>	<i>Trong đó: Ngân sách huyện hưởng</i>	<i>55.300</i>	<i>56.573</i>	<i>26.110</i>	<i>47,2</i>	<i>46,2</i>	<i>98,8</i>	
-	<i>Ngân sách huyện hưởng khi loại trừ thu tiền sử dụng đất</i>	<i>40.100</i>	<i>40.493</i>	<i>25.191</i>	<i>62,8</i>	<i>62,2</i>	<i>131,6</i>	
1	Thuế ngoài quốc doanh	31.000	31.105	19.177	61,9	61,7	124,9	
2	Lệ phí trước bạ	3.500	3.500	1.718	49,1	49,1	69,2	
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.200	1.200	1.400	116,7	116,7	158,9	
4	Phí, lệ phí	1.200	1.403	887	73,9	63,2	111,2	
	- Phí, lệ phí trung ương hưởng	100	100	100	100,0	100,0	250,0	
	- Phí, lệ phí địa phương	1.100	1.303	787	71,5	60,4	103,8	
5	Thu tiền sử dụng đất	19.000	20.100	1.313	6,9	6,5	18,0	
	- Ngân sách tỉnh hưởng	3.800	4.020	263	6,9	6,5	12,0	
	- Ngân sách huyện hưởng	15.200	16.080	919	6,0	5,7	18,0	
6	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	1.500	1.500	753	50,2	50,2	102,2	
7	Thu khác ngân sách	3.000	3.085	1.370	45,7	44,4	107,9	
	- Ngân sách tỉnh hưởng	1.200	1.200	14	1,2	1,2	9,3	
	- Ngân sách địa phương hưởng	1.800	1.885	1.356	75,3	71,9	121,1	
II	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	609.346	702.403	381.130	62,5	54,3	122,9	
1	Bổ sung cân đối ngân sách	559.887	652.944	326.600	58,3	50,0	134,8	
2	Bổ sung có mục tiêu	49.459	49.459	54.530	110,3	110,3	80,3	
III	THU CHUYÊN NGUYÊN			71.851			74,8	

BIỂU BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 328/BG-UBND ngày 15/7/2022 của UBND huyện Phong Thổ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán HDND huyện giao	Thực hiện 6 tháng năm 2022	So sánh %	Ghi chú
A	B	1	2	5	8
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	758.976	303.696	40,0	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	665.919	256.380	38,5	
I	Chi Đầu tư phát triển	43.101	11.878	27,6	
I	Chi XDCB tập trung	27.021	11.758	43,5	
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	16.080	120	0,7	
2.1	Chi đầu tư	12.580	-	-	
2.2	Do đặc bổ sung bản đồ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; lập kế hoạch sử dụng đất; Thống kê, kiểm kê đất đai. Do đặc và cấm mốc phạm vi thu hồi đất xây dựng trung tâm Thị trấn huyện Phong Thổ; Lập điều chỉnh QHSD đất kì đầu và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Phong Thổ	3.500	120	3,4	
II	Chi thường xuyên	622.818	244.502	39,3	
1	Sự nghiệp kinh tế	74.274	3.484	4,7	
1.1	Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp	11.122	185	1,7	
-	Kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp	8.872	-	-	
-	Kinh phí mô hình khuyến nông	500	185	37,0	
-	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND huyện Phong Thổ về Thông qua Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2021-2025	1.750	-	-	
1.2	Sự nghiệp giao thông	5.000	-	-	
1.3	Sự nghiệp thủy lợi	5.000	-	-	
1.4	Sự nghiệp kinh tế khác	9.329	3.299	35,4	
-	Kinh phí vệ môi trường và kinh phí quan trắc môi trường	3.000	1.188	39,6	
-	Kinh phí chi lương và các khoản phụ cấp và các khoản chi khác (Chữ thập đỏ, TTDV, TTPTQĐ)	3.452	1.384	40,1	
-	Kinh phí điện chiếu sáng, sửa chữa, thay thế hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn huyện	500	188	37,6	
-	Hỗ trợ kinh phí quản lý, bảo trì các tuyến đường tuần tra biên giới	647	-	-	
-	Hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng phát quang thông tầm nhìn biên giới	641	-	-	
-	Kinh phí nạo vét cống rãnh đô thị	100	50	50,0	
-	Nâng cấp đường GTNT bản Pờ Ngài xã Huổi Luông (Trả nợ vốn)	114	114	100,0	
-	Kinh phí hoạt động của các ban chỉ đạo cấp huyện, cấp xã	875	375	42,9	
1.5	Nguồn hỗ trợ có mục tiêu	19.537	-	-	
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	3.211	-	-	
+	Hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.	1.606	-	-	
+	Kinh phí duy tu sửa chữa các công trình	1.605	-	-	
-	Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	2.167	-	-	
-	Kinh phí thực hiện kỉ niệm 20 năm chia tách thành lập huyện Phong Thổ	2.700	-	-	
-	Kinh phí thực hiện chỉnh trang đô thị, sửa chữa các công trình, mua sắm trang thiết bị	11.459	-	-	
+	Kinh phí kiến thiết thị chính, chỉnh trang đô thị	7.000	-	-	
+	Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị	4.459	-	-	
1.6	Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết của tỉnh	19.586	-	-	



STT		Dự toán HDND huyện giao	Thực hiện 6 tháng năm 2022	So sánh %	Ghi chú
A		1	2	5	8
-	Bổ sung kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (Giao cho TTDVNN thực hiện Hỗ trợ cải tạo vườn tạp)	2.218		-	
-	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025	14.963	-	-	
+	<i>Phòng Nông nghiệp & PTNT</i>	10.005		-	
+	<i>Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp</i>	3.639		-	
+	<i>Ban quản lý rừng phòng hộ</i>	1.319		-	
-	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025 (Giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ)	2.405		-	
1.7	<i>Bổ sung kinh phí sự nghiệp môi trường</i>	4.700	-	-	
-	<i>Thực hiện các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu (Cấp huyện)</i>	3.000		-	
-	<i>Thực hiện các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu (Cấp xã)</i>	1.700		-	
2	Sự nghiệp Giáo dục & Đào tạo	381.267	166.613	43,7	
2.1	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	372.759	163.341	43,8	
2.2	<i>Sự nghiệp đào tạo</i>	8.508	3.272	38,5	
	<i>Trong đó:</i>				
-	Kinh phí đào tạo nghề Lao động nông thôn	2.551	-	-	
+	<i>Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp & GDTX</i>	1.515		-	
+	<i>Phòng Lao động Thương binh & Xã hội</i>	1.036		-	
3	Sự nghiệp Văn hóa	3.361	1.822	54,2	
4	Sự nghiệp Thể thao	946	797	84,2	
5	Sự nghiệp Truyền thanh - Truyền hình	3.447	1.312	38,1	
6	Đảm bảo xã hội	15.634	8.272	52,9	
7	Quản lý hành chính	112.014	47.255	42,2	
8	Chi an ninh - Quốc phòng	15.438	9.503	61,6	
9	Chi khác ngân sách	3.840	1.400	36,5	
10	Chênh lệch dự kiến tăng thu giữa dự toán tỉnh giao với dự toán Địa phương giao chưa bố trí nhiệm vụ chi (Huyện giao thu cao hơn ngân sách huyện hưởng so với dự toán tỉnh giao và thực hiện theo văn bản điều hành của Bộ Tài chính)	393		-	
11	Dự phòng ngân sách	12.204	4.044	33,1	
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	93.057	47.316	50,8	